

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

## **Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,

Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-31
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-31

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

---

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 16 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

#### Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hồng	Ủy viên	
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2012
Ông Đỗ Văn Hợi	Ủy viên	

#### Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đào Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc

#### Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Trần Nam Bắc	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



---

**Nguyễn Tuấn Hiền**  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2012



Số: 4013 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được lập ngày 15 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

**Vũ Xuân Biên**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>232,881,742,520</b>	<b>266,285,536,748</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>493,251,085</b>	<b>2,380,853,745</b>
111	1. Tiền		493,251,085	2,380,853,745
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>868,100,000</b>	<b>639,790,000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1,352,900,000	1,372,190,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(484,800,000)	(732,400,000)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>185,785,834,974</b>	<b>196,924,628,130</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		127,763,221,373	99,218,690,190
132	2. Trả trước cho người bán		7,486,700,169	12,893,305,824
135	5. Các khoản phải thu khác	5	50,703,044,570	84,979,763,254
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(167,131,138)	(167,131,138)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>43,037,721,195</b>	<b>59,434,238,620</b>
141	1. Hàng tồn kho		43,037,721,195	61,739,870,922
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(2,305,632,302)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2,696,835,266</b>	<b>6,906,026,253</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		314,920,746	287,890,529
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2,466,121	35,094,877
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	2,379,448,399	6,583,040,847
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>132,913,637,136</b>	<b>134,043,883,027</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>25,361,253,902</b>	<b>26,374,251,903</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	11,235,206,949	10,003,264,290
222	- Nguyên giá		22,500,901,278	20,245,174,004
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11,265,694,329)	(10,241,909,714)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9,168,563,636	9,168,563,636
228	- Nguyên giá		9,179,063,636	9,179,063,636
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10,500,000)	(10,500,000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4,957,483,317	7,202,423,977
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>107,000,000,000</b>	<b>107,000,000,000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		107,000,000,000	107,000,000,000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>552,383,234</b>	<b>669,631,124</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	552,383,234	669,631,124
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>365,795,379,656</b>	<b>400,329,419,775</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>67,014,296,780</b>	<b>101,125,995,725</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>66,940,905,451</b>	<b>101,046,704,396</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	34,043,566,983	71,402,274,776
312	2. Phải trả người bán		24,697,703,974	22,396,997,456
313	3. Người mua trả tiền trước		342,215,913	340,085,757
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2,355,543,986	993,472,446
315	5. Phải trả người lao động		231,990,698	965,071,854
316	6. Chi phí phải trả	15	205,376,830	394,863,363
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	455,343,853	371,975,530
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4,609,163,214	4,181,963,214
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>73,391,329</b>	<b>79,291,329</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		57,770,306	63,670,306
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		15,621,023	15,621,023
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>298,781,082,876</b>	<b>299,203,424,050</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>298,781,082,876</b>	<b>299,203,424,050</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		199,999,930,000	199,999,930,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		78,067,482,550	78,067,482,550
414	4. Cổ phiếu quỹ		(22,910,999,000)	(22,910,999,000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	102,541,928
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		23,636,988,069	13,636,988,069
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		543,171,326	10,543,171,326
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19,444,509,931	19,764,309,177
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>365,795,379,656</b>	<b>400,329,419,775</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		51,832.66	255,553.71

**Trương Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Hiền**  
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2012



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	381,519,143,436	560,786,245,655
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		381,519,143,436	560,786,245,655
11	4. Giá vốn hàng bán	19	373,064,036,539	542,189,342,389
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8,455,106,897	18,596,903,266
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1,038,388,929	25,883,954,773
22	7. Chi phí tài chính	21	3,534,188,316	12,410,245,369
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3,240,656,903	10,760,790,907
24	8. Chi phí bán hàng	22	1,121,541,624	1,374,989,760
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4,226,276,556	3,447,193,346
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		611,489,330	27,248,429,564
31	11. Thu nhập khác		2,768,197	979,886,851
32	12. Chi phí khác		434,056,773	607,934,488
40	13. Lợi nhuận khác		(431,288,576)	371,952,363
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		180,200,754	27,620,381,927
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	803,980,965
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		180,200,754	26,816,400,962
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	10	1,419

Trương Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hiền  
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2012

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>180,200,754</b>	<b>27,620,381,927</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		1,023,784,615	660,897,002
03	Các khoản dự phòng		(2,553,232,302)	859,150,000
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(584,108,360)	(25,883,954,773)
06	Chi phí lãi vay		3,240,656,903	10,760,790,907
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1,307,301,610</b>	<b>14,017,265,063</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(29,641,093,500)	(27,357,144,185)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		18,702,149,727	39,666,018,226
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3,932,559,851	26,306,517,195
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		90,217,673	263,348,873
13	Tiền lãi vay đã trả		(3,400,714,803)	(11,283,577,463)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(939,677,504)	(1,236,450,000)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5,903,394,935	9,200,000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,603,851,842)	(166,450,000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(5,649,713,853)</b>	<b>40,218,727,709</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3,402,360)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	90,909,091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(7,148,970,556)	(2,500,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7,316,260,556	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40,957,745,890	1,901,088,107
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>41,121,633,530</b>	<b>(508,002,802)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(8,849,197,000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		45,492,352,931	100,328,374,396
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(82,851,875,268)	(121,452,292,404)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(18,993,273,000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(37,359,522,337)</b>	<b>(48,966,388,008)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1,887,602,660)	(9,255,663,101)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2,380,853,745	10,919,714,622
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>493,251,085</u>	<u>1,664,051,521</u>

Trương Thị Thu Hiền  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hiền  
 Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2012

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 16 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 199.999.930.000 đồng. Tương đương 19.999.993 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thôn Bắc Hà, Xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước);
- Sửa chữa, lắp đặt và bảo hành các sản phẩm công ty kinh doanh;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất tấm lợp kim loại, sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế;
- Mua bán nguyên liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), chợ và siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ sửa chữa ô tô và vận tải hành khách;
- Sản xuất, buôn bán đồ gỗ nội thất;
- Cho thuê văn phòng.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính:

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 15	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06	năm
- Thiết bị văn phòng	02	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5,156,000	1,555,000
Tiền gửi ngân hàng	488,095,085	2,379,298,745
	<b><u>493,251,085</u></b>	<b><u>2,380,853,745</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	1,352,900,000	1,372,190,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(484,800,000)	(732,400,000)
	<b><u>868,100,000</u></b>	<b><u>639,790,000</u></b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ tức được chia từ công ty con	40,249,950,952	80,603,950,952
Phải thu về tiền gốc cho vay	2,040,500,000	2,500,000,000
Phải thu Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	8,339,750,000	1,800,000,000
Phải thu khác	72,843,618	75,812,302
	<b><u>50,703,044,570</u></b>	<b><u>84,979,763,254</u></b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31,839,793,598	34,890,245,291
Hàng hoá	11,197,927,597	26,849,625,631
	<b><u>43,037,721,195</u></b>	<b><u>61,739,870,922</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2,305,632,302)
	<b><u>43,037,721,195</u></b>	<b><u>59,434,238,620</u></b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1,277,827,345	1,278,811,933
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,101,621,054	5,304,228,914
	<b><u>2,379,448,399</u></b>	<b><u>6,583,040,847</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	<b>2,878,011,151</b>	<b>5,724,460,334</b>	<b>11,529,575,793</b>	<b>113,126,726</b>	<b>20,245,174,004</b>
Số tăng trong kỳ	-	-	<b>2,255,727,274</b>	-	<b>2,255,727,274</b>
- Mua sắm mới	-	-	2,255,727,274	-	2,255,727,274
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>2,878,011,151</b>	<b>5,724,460,334</b>	<b>13,785,303,067</b>	<b>113,126,726</b>	<b>22,500,901,278</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	<b>1,178,784,504</b>	<b>5,388,729,703</b>	<b>3,579,307,920</b>	<b>95,087,587</b>	<b>10,241,909,714</b>
Số tăng trong kỳ	<b>85,013,724</b>	<b>3,541,992</b>	<b>931,962,499</b>	<b>3,266,400</b>	<b>1,023,784,615</b>
- Trích khấu hao	85,013,724	3,541,992	931,962,499	3,266,400	1,023,784,615
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>1,263,798,228</b>	<b>5,392,271,695</b>	<b>4,511,270,419</b>	<b>98,353,987</b>	<b>11,265,694,329</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu kỳ	<b>1,699,226,647</b>	<b>335,730,631</b>	<b>7,950,267,873</b>	<b>18,039,139</b>	<b>10,003,264,290</b>
Số dư cuối kỳ	<b>1,614,212,923</b>	<b>332,188,639</b>	<b>9,274,032,648</b>	<b>14,772,739</b>	<b>11,235,206,949</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.530.348.967 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	<b>9,168,563,636</b>	<b>10,500,000</b>	<b>9,179,063,636</b>
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>9,168,563,636</b>	<b>10,500,000</b>	<b>9,179,063,636</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	-	<b>10,500,000</b>	<b>10,500,000</b>
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	<b>10,500,000</b>	<b>10,500,000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu kỳ	<b>9,168,563,636</b>	-	<b>9,168,563,636</b>
Số dư cuối kỳ	<b>9,168,563,636</b>	-	<b>9,168,563,636</b>

Giá trị quyền sử dụng đất đã được dùng để thế chấp khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>4,946,696,703</b>	<b>4,946,696,703</b>
- Công trình Đèn Lù	4,726,696,703	4,726,696,703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20,000,000	20,000,000
- Công trình Lai Cách - Hải Dương	200,000,000	200,000,000
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	-	<b>2,255,727,274</b>
- Mua ô tô	-	2,255,727,274
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>10,786,614</b>	-
- Sửa chữa văn phòng tại 309 Tam Trinh	10,786,614	-
	<b>4,957,483,317</b>	<b>7,202,423,977</b>

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>107,000,000,000</b>	<b>107,000,000,000</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	80,000,000,000	80,000,000,000
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	27,000,000,000	27,000,000,000
	<b>107,000,000,000</b>	<b>107,000,000,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Hưng Yên	100.0%	100.0%	Sản xuất và thương mại
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Hải Phòng	72.0%	72.0%	Sản xuất và thương mại

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN****Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	281,196,160	439,801,322
Chi phí trả trước dài hạn khác	271,187,074	229,829,802
	<b>552,383,234</b>	<b>669,631,124</b>

**13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>34,043,566,983</b>	<b>71,402,274,776</b>
- Vay ngân hàng	29,330,143,696	70,130,630,824
- Vay cá nhân	4,713,423,287	1,271,643,952
	<b>34,043,566,983</b>	<b>71,402,274,776</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	USD	Quy đổi VND
<b>Vay ngân hàng</b>		<b>29,330,143,696</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội <sup>(1)</sup>	-	6,593,000,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội <sup>(1)</sup>	318,496.00	6,640,973,810
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai <sup>(2)</sup>	-	9,182,898,495
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai <sup>(2)</sup>	329,281.80	6,913,271,391
<b>Vay cá nhân</b>	-	<b>4,713,423,287</b>
Nguyễn Mạnh Hà <sup>(3)</sup>	-	2,819,121,109
Vũ Thị Hoài Bảo <sup>(4)</sup>	-	1,040,500,000
Phạm Thị Hồng <sup>(5)</sup>	-	853,802,178
	<b>647,777.80</b>	<b>34,043,566,983</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Thông báo về việc tái cấp hạn mức tín dụng số 415/2012/TB-CNHN ngày 15/06/2012 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng chẵn*);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn sử dụng hạn mức trong vòng 12 tháng, thời hạn của từng giấy nhận nợ tùy thuộc vào từng thương vụ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được quy định theo từng lần nhận nợ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:
    - Bất động sản là căn hộ tại 307-309 đường Nguyễn Tam Trinh - Mai Động - Hai Bà Trưng - Hà Nội
    - Sắt thép (Thép cuộn, thép hình, thép tấm, tôn các loại) tồn kho theo phương thức Tiền vào - Hàng ra
- (2) Hợp đồng tín dụng số PT12011/HĐTD-HM ngày 02/08/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 02/08/2011 đến hết ngày 30/06/2012; Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Bằng tổng lãi suất cơ sở và lãi suất biên độ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 05/2012/-HĐVV ký ngày 01/01/2012 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng chẵn*);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 24 tháng;
  - + Lãi suất cho vay 1%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của Công ty (nếu có); trả lãi vào ngày cuối kỳ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo
- (4) Hợp đồng vay vốn số 03/2012-HĐVV ngày 24/02/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay là 1.040.500.000 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay là 8%/năm; ngày tính lãi được căn cứ vào ngày thu tiền;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Kế ước nhận nợ vay số 01/2012 VCN-PT ngày 01/01/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay là 853.802.178 đồng (*Tám trăm năm mươi ba triệu, tám trăm linh hai nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng chẵn*);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 01/01/2012;
  - + Lãi suất cho vay: 1%/tháng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2,332,930,055	24,572,445
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	939,677,504
Thuế Thu nhập cá nhân	22,613,931	29,222,497
	<b><u>2,355,543,986</u></b>	<b><u>993,472,446</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	205,376,830	365,434,730
Chi phí phải trả khác	-	29,428,633
	<b><u>205,376,830</u></b>	<b><u>394,863,363</u></b>

**16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7,302,464	7,212,374
Phải trả cổ tức cho cổ đông	290,770,650	290,770,650
Phải trả, phải nộp khác	157,270,739	73,992,506
	<b><u>455,343,853</u></b>	<b><u>371,975,530</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>78,067,482,550</b>	<b>(22,910,999,000)</b>	<b>102,541,928</b>	<b>13,636,988,069</b>	<b>10,543,171,326</b>	<b>19,764,309,177</b>	<b>299,203,424,050</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	180,200,754	180,200,754
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(500,000,000)	(500,000,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(102,541,928)	-	-	-	(102,541,928)
Điều chuyển quỹ	-	-	-	-	10,000,000,000	(10,000,000,000)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>78,067,482,550</b>	<b>(22,910,999,000)</b>	<b>-</b>	<b>23,636,988,069</b>	<b>543,171,326</b>	<b>19,444,509,931</b>	<b>298,781,082,876</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của cổ đông	199,999,930,000	100.00%	199,999,930,000	100.00%
	<b>199,999,930,000</b>	<b>100%</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199,999,930,000	199,999,930,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>199,999,930,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>199,999,930,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	29,890,432,800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	<i>18,993,273,000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	<i>10,897,159,800</i>

**d) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,999,993	19,999,993
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,999,993	19,999,993
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,999,993</i>	<i>19,999,993</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,996,720	1,996,720
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1,996,720</i>	<i>1,996,720</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,003,273	18,003,273
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18,003,273</i>	<i>18,003,273</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23,636,988,069	13,636,988,069
Quỹ dự phòng tài chính	543,171,326	10,543,171,326
	<b><u>24,180,159,395</u></b>	<b><u>24,180,159,395</u></b>

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	-	1,037,355,985
Doanh thu bán hàng hóa	381,155,098,888	559,370,479,639
Doanh thu cung cấp dịch vụ	364,044,548	378,410,031
	<b><u>381,519,143,436</u></b>	<b><u>560,786,245,655</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	1,353,358,663
Giá vốn của hàng hóa đã bán	375,369,668,841	540,789,451,726
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	46,532,000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2,305,632,302)	-
	<b><u>373,064,036,539</u></b>	<b><u>542,189,342,389</u></b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	608,308,360	850,139,773
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	287,300,000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	25,033,815,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	142,780,569	-
	<b><u>1,038,388,929</u></b>	<b><u>25,883,954,773</u></b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	3,240,656,903	10,760,790,907
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	311,500,000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	125,847,112	629,356,933
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(247,600,000)	859,150,000
Chi phí tài chính khác	103,784,301	160,947,529
	<b><u>3,534,188,316</u></b>	<b><u>12,410,245,369</u></b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	6,311,356	1,064,500
Chi phí nhân công	309,031,777	607,431,921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718,185,324	755,859,024
Chi phí khác bằng tiền	88,013,167	10,634,315
	<b><u>1,121,541,624</u></b>	<b><u>1,374,989,760</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	47,835,133	107,880,131
Chi phí nhân công	2,126,173,043	1,811,850,493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	867,136,890	518,741,789
Thuế, phí, lệ phí	8,668,400	13,833,500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	589,054,505	744,313,674
Chi phí khác bằng tiền	587,408,585	250,573,759
	<b>4,226,276,556</b>	<b>3,447,193,346</b>

**24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	180,200,754	27,620,381,927
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,864,838,050)	(24,404,458,067)
- Các khoản điều chỉnh tăng	523,008,924	629,356,933
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2,387,846,974)	(25,033,815,000)
Tổng lợi nhuận tính thuế	(1,684,637,296)	3,215,923,860
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	803,980,965
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>803,980,965</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	939,677,504	2,176,127,504
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(939,677,504)	(1,236,450,000)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>1,743,658,469</b>

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	180,200,754	26,816,400,962
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	180,200,754	26,816,400,962
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	18,003,273	18,898,880
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>10</b>	<b>1,419</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	493,251,085	-	2,380,853,745	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	176,425,765,943	(167,131,138)	181,698,453,444	(167,131,138)
Các khoản cho vay	2,040,500,000	-	2,500,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	1,352,900,000	(484,800,000)	1,372,190,000	(732,400,000)
<b>Cộng</b>	<b>180,312,417,028</b>	<b>(651,931,138)</b>	<b>187,951,497,189</b>	<b>(899,531,138)</b>
	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	VND		VND	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			34,043,566,983	71,402,274,776
Phải trả người bán, phải trả khác			25,153,047,827	22,768,972,986
Chi phí phải trả			205,376,830	394,863,363
			<b>59,401,991,640</b>	<b>94,566,111,125</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>				
Vay và nợ	34,043,566,983	-	-	34,043,566,983
Phải trả người bán, phải trả khác	25,153,047,827	-	-	25,153,047,827
Chi phí phải trả	205,376,830	-	-	205,376,830
<b>Cộng</b>	<b><u>59,401,991,640</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>59,401,991,640</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Vay và nợ	71,402,274,776	-	-	71,402,274,776
Phải trả người bán, phải trả khác	22,768,972,986	-	-	22,768,972,986
Chi phí phải trả	394,863,363	-	-	394,863,363
<b>Cộng</b>	<b><u>94,566,111,125</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>94,566,111,125</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## **27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	91,708,391,698	68,088,879,454
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	48,040,271,955	75,895,079,691
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên <sup>(*)</sup>		51,357,192,607	-
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	134,322,444,380	191,934,552,047
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	18,445,107,080	29,346,008,606
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên <sup>(*)</sup>		18,060,252,746	-
<b>Cho vay vốn</b>			
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên <sup>(*)</sup>		4,595,000,000	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	1,040,500,000	-
<b>Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán</b>			
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên <sup>(*)</sup>		13,980,556	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	72,427,586,903	10,103,688,371
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	51,357,192,607	53,401,968,823
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên <sup>(*)</sup>		-	9,319,348,119
<b>Phải thu tiền ứng trước</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	-	5,774,180,181
<b>Phải thu vốn cho vay</b>			
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên <sup>(*)</sup>		1,000,000,000	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	1,040,500,000	-
<b>Phải thu khác</b>			
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	8,339,750,000	1,800,000,000
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	2,178,264,376	3,216,084,194
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	20,810,396	954,322,394
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên <sup>(*)</sup>		2,423,384,250	5,900,000,001

(\*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	447,937,538	384,461,086

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

**Trương Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Hiền**  
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2012